

DỰ BÁO XU HƯỚNG THỊ TRƯỜNG

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 16/4/2024	●		
Tuần 15/4-19/4/2024	●		
Tháng 04/2024	●		

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

VN-Index tiến lên ngưỡng 1,280 ngay khi vừa mở cửa phiên sáng, tuy nhiên áp lực chốt lời tại đây đẩy chỉ số trở về ngưỡng 1,270. Chỉ số đi ngang tại ngưỡng này cho đến khi lực bán tháo đột ngột xuất hiện vào cuối phiên chiều, đẩy chỉ số xuống đóng cửa tại mốc 1,216.61 điểm, giảm gần 5% so với thứ 6 tuần trước. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tiêu cực với 18/18 ngành giảm điểm, trong đó ngành Dịch vụ tài chính dẫn đầu đà giảm, theo sau là ngành Hóa chất, Xây dựng và vật liệu,... Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này bán ròng hơn 1000 tỷ trên sàn HSX. Phiên bán tháo hôm nay có thanh khoản tăng vọt; trong những phiên tới, chỉ số có thể tiếp tục quán tính giảm điểm xuống ngưỡng hỗ trợ 1,200.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Các HĐTL đều giảm theo nhịp vận động của VN30.

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch ngày 15/04/2024, các chứng quyền biến động theo đà giảm của cổ phiếu cơ sở.

ĐIỂM NHẤN

- VN-Index **-59.99** điểm, đóng cửa tại **1216.61** điểm. HNX-Index **-11.63** điểm, đóng cửa tại **229.71** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **SHB (+0.05)**, **QCG (+0.04)**, **BHN (+0.03)**, **TMS (+0.02)**, **TNC (+0.02)**.
- Kéo chỉ số giảm: **BID (-5.03)**, **VCB (-3.62)**, **CTG (-3.14)**, **TCB (-2.54)**, **VHM (-2.23)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **30,274** tỷ đồng, tăng **77.95%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức **33,454** tỷ đồng.
- Biên độ dao động: **65.2** điểm. Thị trường có **40** mã tăng, **30** mã tham chiếu, **475** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-1270.40** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **VHM (-280.17 tỷ)**, **CTG (-210.56 tỷ)**, **SSI (-86.20 tỷ)**, **VCB (-77.34 tỷ)**, **VNM (-75.17 tỷ)**. Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị **55.61** tỷ đồng.

DIỄN BIẾN BSC30, BSC50

- BSC30 **-5.56%**.
- BSC50 **-6.29%**.

Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	-5.56%	-6.29%	-4.70%	-4.42%
1 tuần	2.16%	1.65%	2.10%	2.39%
1 tháng	-2.86%	-4.32%	-2.43%	-2.93%
3 tháng	13.27%	12.96%	8.34%	8.66%

Tổng quan thị trường trong nước

	VNI	HNX	UPCOM
Điểm	1,216.61	229.71	88.98
% 1D	-4.70%	-4.82%	-2.44%
GTGD (tỷ VND)	30,274	3,495	1,075
%1D	77.95%	121.49%	70.37%
GDNN (tỷ VND)	-1270.40	55.61	-16.68

Chi tiết giao dịch khối ngoại

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
MWG	105.56	VHM	-280.17
SGN	36.06	CTG	-210.56
SHB	33.27	SSI	-86.20
TCH	30.39	VCB	-77.34
POW	18.93	VNM	-75.17

Thị trường thế giới

		%D	%W
SPX	5,199	0.74%	1.01%
FTSE100	8,022	1.24%	1.41%
Eurostoxx	4,420	1.17%	1.08%
Shanghai	3,019	-0.49%	-1.62%
Nikkei	39,567	0.31%	1.43%

Nguồn: Bloomberg

Giá trị %

Hàng hóa

Giá dầu Brent	85.66	-5.30%
Giá vàng	2,343	-0.56%

Tỷ giá

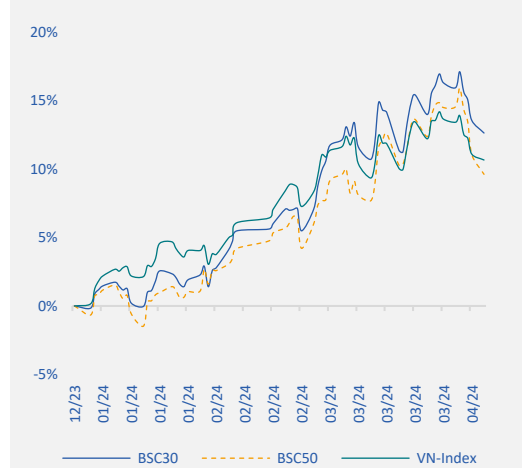
USD/VND	25,175	-0.02%
EUR/VND	26,831	-2.18%
JPY/VND	164	-2.04%

Lãi suất

LS TPCP 10Y	2.9%
LS LNH 1M	3.7%

Nguồn: BSC tổng hợp

Hiệu suất BSC30, BSC50



Nguồn: BSC tổng hợp

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Thống kê thị trường	Trang 2
Danh mục BSC30	Trang 3
Danh mục BSC50	Trang 4
Báo cáo mới nhất	Trang 5
Khuyến cáo sử dụng	Trang 6

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
SHB	11.30	0.44%	0.05	104.66
QCG	14.40	4.17%	0.04	4.66
BHN	39.05	1.15%	0.03	0.00
TMS	57.50	0.87%	0.02	0.03
TNC	50.20	6.97%	0.02	0.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
BID	53.40	-6.93%	-5.03	2.54
VCB	94.60	-2.75%	-3.62	1.97
CTG	35.90	-6.82%	-3.14	29.31
TCB	47.40	-6.33%	-2.54	16.22
VHM	44.50	-4.72%	-2.23	20.42

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
PGS	28.50	9.82%	0.63	0.01
TKU	13.50	5.93%	0.16	0.01
VIT	17.40	3.45%	0.13	0.00
NET	81.80	1.34%	0.10	0.00
NFC	15.00	9.33%	0.10	0.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
PVS	43.00	-9.53%	-7.28	17.28
HUT	18.80	-9.04%	-5.67	5.72
SHS	20.80	-8.65%	-5.49	50.50
CEO	22.50	-9.78%	-4.20	20.95
IDC	58.40	-5.48%	-4.10	2.23

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
ILB	31.50	6.98%	0.01	0.01
TNC	50.20	6.97%	0.02	0.00
TTE	8.78	6.83%	0.00	0.00
DXV	6.07	6.75%	0.00	0.24
OPC	24.00	4.17%	0.02	0.01

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VNE	5.00	-7.00%	-0.01	0.59
TCĐ	7.43	-7.00%	-0.04	1.97
CMG	49.30	-7.00%	-0.16	1.40
IDI	12.15	-7.00%	-0.05	3.80
KDH	36.45	-7.00%	-0.49	4.06

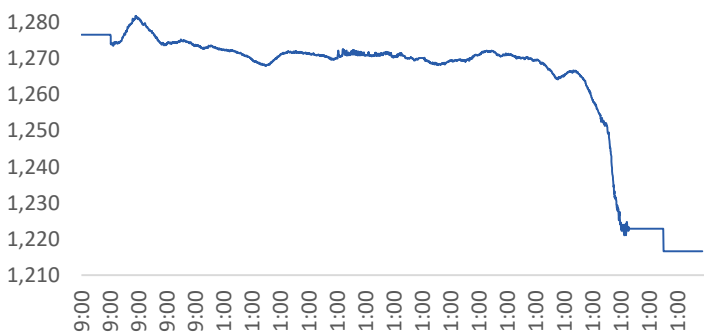
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
QTC	12.00	10.00%	0.01	0.00
VMS	24.20	9.92%	0.10	0.00
QST	20.20	9.90%	0.03	0.00
PGS	28.50	9.82%	0.63	0.01
NSH	5.20	9.62%	0.05	0.41

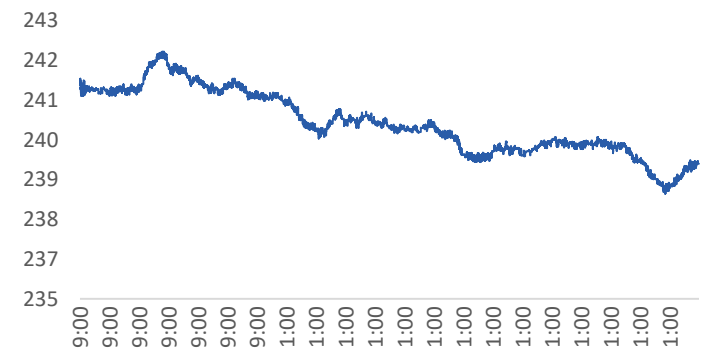
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
MST	6.00	-10.00%	-0.17	2.31
SDA	6.00	-10.00%	-0.06	0.08
VIG	8.00	-10.00%	-0.13	0.66
DXP	14.10	-9.93%	-0.31	0.65
PVB	25.20	-9.92%	-0.20	0.66

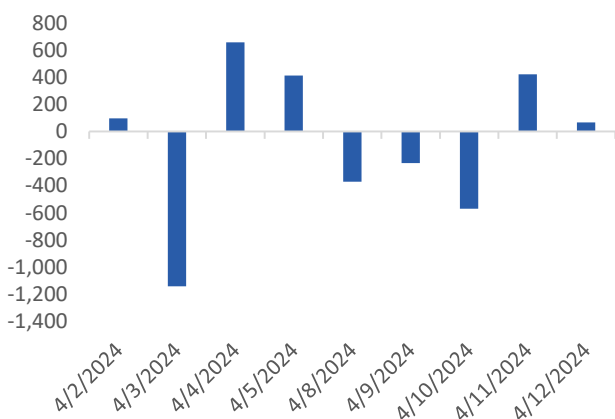
Hình 1
HSX-Index Intraday



Hình 2
HNX-Index Intraday

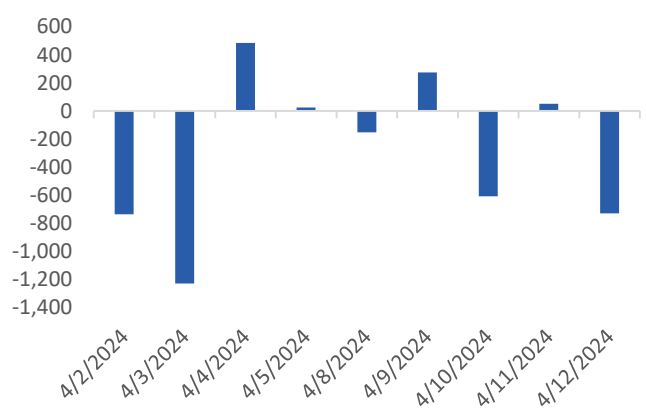


Hình 3
Giao dịch tự doanh



Nguồn: FiinProX, BSC Research

Hình 4
Giao dịch khối ngoại



Nguồn: FiinProX, BSC Research

DANH MỤC BSC30

Mã	Ngành	Đóng cửa (1,000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	Giá mục tiêu (VND)	NN sở hữu	Link tải báo báo
VCB	Ngân hàng	92.0	-2.70%	0.7	20,584	7.0	5,910	15.6	105,000	23.5%	Link
BID	Ngân hàng	49.7	-6.90%	1.0	11,342	5.1	3,772	13.2	54,578	17.3%	Link
VPB	Ngân hàng	18.6	-5.60%	1.0	5,908	21.1	1,257	14.8	23,685	28.0%	Link
TCB	Ngân hàng	44.4	-6.30%	1.2	6,261	24.4	5,111	8.7	-	22.5%	Link
MBB	Ngân hàng	23.4	-5.10%	1.1	4,953	44.6	3,966	5.9	24,400	23.2%	Link
STB	Ngân hàng	27.5	-5.50%	1.0	2,075	26.8	4,094	6.7	31,200	22.5%	Link
CTG	Ngân hàng	33.4	-6.80%	1.1	7,191	39.2	3,706	9.0	19,100	27.1%	Link
ACB	Ngân hàng	26.8	-4.10%	0.9	4,175	17.5	4,131	6.5	42,500	30.0%	Link
SSI	Chứng khoán	35.0	-6.90%	1.2	2,098	41.9	1,529	22.9	45,900	43.2%	Link
IDC	BDS KCN	55.2	-5.50%	1.0	729	4.9	4,223	13.1	-	17.6%	Link
HPG	VLXD	28.5	-4.80%	1.3	6,634	35.5	1,176	24.2	23,300	24.5%	Link
HSG	VLXD	21.3	-7.00%	1.6	525	16.6	1,321	16.1	79,900	22.1%	Link
VHM	BDS	42.4	-4.70%	1.2	7,391	34.7	7,664	5.5	38,900	22.4%	Link
KDH	BDS	33.9	-7.00%	1.4	1,085	5.5	895	37.9	44,100	38.0%	Link
NLG	BDS	39.8	-6.90%	1.2	613	7.3	1,257	31.7	46,100	42.9%	Link
DGC	Hóa chất	111.1	-6.80%	1.6	1,689	13.3	8,163	13.6	85,000	18.9%	Link
DCM	Phân bón	31.3	-6.70%	1.4	663	4.1	2,095	14.9	41,000	10.9%	Link
GAS	Dầu khí	76.0	-4.60%	0.6	6,988	3.3	5,053	15.0	36,000	2.6%	Link
PVS	Dầu khí	38.9	-9.50%	0.7	744	26.9	2,148	18.1	110,500	20.8%	Link
PVD	Dầu khí	30.6	-6.90%	1.2	680	16.4	1,052	29.0	45,000	23.3%	Link
POW	Tiện ích	11.2	-0.90%	0.8	1,045	5.9	443	25.1	38,500	4.0%	Link
VHC	Thủy sản	70.0	-6.20%	1.2	629	2.4	4,914	14.2	29,000	32.2%	Link
GMD	Logistics	78.3	-4.20%	1.1	973	6.2	7,357	10.6	14,500	48.2%	Link
VNM	Bán lẻ	64.9	-2.70%	0.7	5,430	15.0	4,246	15.3	81,700	53.9%	Link
MSN	Bán lẻ	66.9	-7.00%	1.5	3,832	29.3	293	228.6	27,700	28.2%	Link
MWG	Bán lẻ	49.9	-4.00%	1.6	2,921	33.0	115	435.2	63,800	44.5%	Link
PNJ	Bán lẻ	96.5	-6.40%	0.7	1,292	7.6	6,010	16.1	83,500	49.0%	Link
DGW	Bán lẻ	59.2	-6.90%	1.7	396	5.6	2,121	27.9	90,900	23.4%	Link
FPT	Công nghệ	111.6	-3.40%	0.8	5,674	16.5	5,091	21.9	57,000	49.0%	Link
CTR	Công nghệ	116.6	-6.90%	1.0	534	2.2	4,510	25.9	108,000	10.1%	Link

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (1000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	P/B	NN sở hữu	ROE (%)
HDB	Ngân hàng	23.5	-3.30%	0.8	2,740	9.2	3,482	6.7	1.5	19.6%	25.4%
VIB	Ngân hàng	22.5	-4.70%	1.3	2,285	10.3	3,376	6.7	1.5	20.5%	24.3%
TPB	Ngân hàng	17.5	-6.40%	1.2	1,542	8.6	2,027	8.6	1.2	29.8%	13.7%
MSB	Ngân hàng	13.8	-5.80%	1.3	1,105	6.9	2,322	5.9	0.9	30.0%	16.0%
EIB	Ngân hàng	17.0	-6.30%	1.0	1,185	6.8	1,244	13.7	1.3	1.8%	10.1%
HCM	Chứng khoán	27.4	-6.90%	1.3	774	13.0	1,475	18.6	1.5	41.0%	8.3%
VCI	Chứng khoán	48.5	-6.90%	1.7	849	17.5	1,124	43.1	2.9	21.7%	7.1%
VND	Chứng khoán	20.4	-6.80%	1.5	997	19.4	1,660	12.3	1.5	22.6%	13.1%
BID	Ngân hàng	49.7	-6.90%	1.0	11,342	5.1	3,772	13.2	2.4	17.3%	20.3%
SHS	Chứng khoán	19.0	-8.70%	1.7	618	38.4	688	27.6	1.5	13.2%	5.7%
LCG	Xây dựng	12.2	-6.80%	1.5	93	4.4	546	22.4	0.9	2.1%	4.6%
HUT	Xây dựng	17.1	-9.00%	1.6	611	3.6	53	323.4	1.3	1.6%	0.7%
CTD	Xây dựng	66.0	-6.90%	0.8	264	6.1	1,894	34.8	0.8	44.3%	2.3%
HHV	Xây dựng	14.0	-7.00%	1.3	232	7.1	782	18.0	0.7	6.7%	4.2%
C4G	Xây dựng	10.1	-8.20%	1.4	-	0.8	365	27.7	1.0	0.0%	4.9%
DIG	BĐS KCN	31.2	-7.00%	1.7	763	44.6	195	160.5	2.4	5.2%	2.1%
CEO	BĐS KCN	20.3	-9.80%	0.9	418	17.0	293	69.3	1.7	5.6%	2.4%
KBC	BĐS KCN	31.1	-6.90%	1.5	956	15.5	2,646	11.8	1.2	20.8%	11.7%
VGC	BĐS KCN	52.8	-6.90%	1.3	948	2.5	2,717	19.4	2.5	5.4%	12.5%
SZC	BĐS KCN	38.4	-6.90%	1.4	276	3.1	1,824	21.0	2.6	3.2%	13.4%
SIP	BĐS KCN	76.5	-6.90%	1.4	557	1.6	5,098	15.0	3.5	0.3%	26.9%
PHR	BĐS KCN	56.0	-6.70%	1.1	304	1.6	4,574	12.2	2.0	15.8%	18.3%
GVR	BĐS KCN	29.8	-6.90%	1.5	4,772	8.8	656	45.4	2.2	0.3%	6.2%
NKG	Vật liệu	24.0	-7.00%	1.6	254	18.6	446	53.9	1.2	16.0%	2.3%
BMP	Hóa chất	117.0	-2.70%	0.5	383	1.2	12,717	9.2	3.6	85.9%	39.1%
IJC	Bất động sản	13.7	-6.80%	1.7	207	2.5	1,477	9.3	0.9	5.9%	10.3%
DXG	Bất động sản	18.4	-6.80%	1.7	532	14.2	239	77.3	0.9	20.0%	1.1%
VRE	Bất động sản	22.5	-6.80%	1.2	2,047	12.5	1,940	11.6	1.4	31.0%	12.4%
PDR	Bất động sản	29.8	-6.90%	1.8	880	22.5	926	32.1	2.3	7.4%	7.2%
CSV	Hóa chất	58.5	-7.00%	1.5	104	2.9	4,732	12.4	1.8	3.7%	16.1%
DHC	Hóa chất	39.3	-6.70%	1.0	127	0.6	3,843	10.2	1.7	35.8%	17.2%
PLX	Dầu khí	36.0	-2.30%	0.9	1,831	1.3	2,230	16.1	1.6	17.1%	10.7%
PLC	Dầu khí	29.1	-8.80%	1.4	94	0.4	1,261	23.1	1.8	1.2%	8.4%
BSR	Dầu khí	18.9	-4.10%	1.2	-	13.0	2,790	6.8	1.0	0.8%	15.6%
DRC	Săm lốp	28.8	-6.50%	0.7	137	2.0	2,074	13.9	1.8	13.6%	13.2%
PC1	Tiện ích	26.1	-6.80%	1.3	325	7.0	450	58.0	1.1	8.5%	4.1%
HDG	Tiện ích	26.7	-6.60%	1.3	327	4.3	2,175	12.3	1.1	22.8%	12.9%
GEX	Tiện ích	21.6	-6.90%	1.9	738	23.2	388	55.8	0.9	12.6%	4.1%
QTP	Tiện ích	15.3	-2.50%	0.7	-	0.4	1,360	11.3	1.3	1.2%	10.8%
REE	Tiện ích	60.9	-3.00%	0.9	996	3.3	5,354	11.4	1.2	49.0%	13.9%
ANV	Thủy sản	30.0	-7.00%	1.3	160	2.8	294	102.1	1.4	3.0%	1.5%
PTB	Thủy sản	62.0	-4.90%	0.8	166	1.3	3,851	16.1	1.5	20.9%	10.6%
PVT	Logistics	24.0	-7.00%	0.8	342	4.9	3,005	8.0	0.9	12.3%	14.3%
VSC	Logistics	20.6	-6.80%	1.3	220	4.3	927	22.2	0.8	2.5%	6.2%
HAH	Logistics	38.8	-7.00%	1.4	164	4.0	3,648	10.6	1.3	3.9%	12.1%
VTP	Logistics	71.7	-6.90%	1.2	350	6.1	3,119	23.0	5.5	9.4%	25.6%
DBC	Bán lẻ	28.8	-7.00%	1.4	278	9.7	103	278.2	1.5	4.5%	0.5%
FRT	Bán lẻ	138.9	-4.10%	0.7	758	4.1	(2,537)	-54.8	11.0	36.2%	11.8%
QNS	Bán lẻ	49.2	-1.60%	0.7	-	1.9	6,117	8.0	2.0	15.5%	27.3%
DPM	Phân bón	32.4	-6.60%	1.2	508	4.4	1,327	24.4	1.1	10.0%	4.2%
TNG	Đệt may	20.1	-9.90%	0.9	91	2.6	1,917	10.5	1.2	18.6%	12.5%

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logistic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

DANH SÁCH CÁC BÁO CÁO ĐẶC BIỆT BSC ĐÃ PHÁT HÀNH GẦN ĐÂY

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link báo cáo
1	BSC_Báo cáo tháng 03/2024_Câu chuyện tỷ giá và thị trường chứng khoán	x		Click
2	BSC_Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		Click
3	BSC_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
4	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 2/2024	x		Click
5	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 1/2024	x		Click
6	BSC_Vietnam Macro Market Outlook 2024_VN_Cơ hội vượt lên thách thức		x	Click
7	Vietnam Sector Outlook_VN_1Q2024		x	Click
8	BSC_Báo cáo ngành điện		x	Click
9	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2023	x		Click
10	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2023	x		Click
11	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 09.2023	x		Click
12	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 08.2023	x		Click
13	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 07.2023	x		Click
14	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 06.2023	x		Click
15	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 05.2023	x		Click
16	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 04.2023	x		Click
17	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 03.2023	x		Click
18	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 02.2023	x		Click
19	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 01.2023	x		Click

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán.

Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này.

Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

Phòng Phân tích nghiên cứu

Trần Thăng Long

Trưởng phòng Phân tích nghiên cứu

longtt@bsc.com.vn

Nhóm vĩ mô thị trường

Bùi Nguyên Khoa

Trưởng nhóm phân tích Vĩ mô - thị trường

khoabn@bsc.com.vn

Nguyễn Thùy Trang

Chuyên viên phân tích Vĩ mô - thị trường

trangnt1@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh

Chuyên viên phân tích Vĩ mô - thị trường

anhng@bsc.com.vn

Vũ Việt Anh

Chuyên viên phân tích Vĩ mô - thị trường

anhvv@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo

Chuyên viên phân tích Vĩ mô - thị trường

thaopt1@bsc.com.vn

Thông tin liên hệ

Website

<http://www.bsc.com.vn>

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 4, Tầng 9 Tòa nhà President Place

Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings

210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu

hn.ptnc@bsc.com.vn

(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC

hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn

(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center

i-center@bsc.com.vn

(+84)2437173639